

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ, HỒ CHÍ MINH

KHOA VĂN HỌC

\*\*\*\*\*

NGUYỄN PHƯƠNG LY

BÍCH SỰ TÂM HỒI VÀ CÔNG TÁC X. HỒI  
HỒI TRONG HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN  
NGHIÊN CỨU VĂN HỌC VIỆT NAM  
VIỆT NAM (2004 - 2007)

KHOA LUẬN TẬP NGHIÊN

NGHỆ THUẬT VĂN HỌC VIỆT NAM

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: Ths. TRẦN VĂN HỒI

hụ néi

## MôC LôC

<b>LêI Mề SỰ</b>	1
<b>CHỈ-NG 1: c<sub>2</sub>c quan @iÓm c<sub>2</sub> b<sub>2</sub>n vÒ x<sub>2</sub> héi hã ho<sub>2</sub>t</b>	
<b>@éng v<sub>2</sub>n hã v<sub>2</sub>m x<sub>2</sub> héi hã ho<sub>2</sub>t @éng b<sub>2</sub>o t<sub>2</sub>ng</b>	5
1.1. X <sub>2</sub> héi hã ho <sub>2</sub> t @éng v <sub>2</sub> n ho <sub>2</sub> ,	5
1.1.1. Kh <sub>2</sub> i niÖm x <sub>2</sub> héi hã ho <sub>2</sub> t @éng v <sub>2</sub> n ho <sub>2</sub> ,	5
1.1.2. X <sub>2</sub> héi hã ho <sub>2</sub> t @éng v <sub>2</sub> n hã - mét v <sub>2</sub> Ên @Ò c <sub>2</sub> Êp thiÖt	12
1.1.3. Vai tr <sub>2</sub> ß c <sub>2</sub> ña Nh <sub>2</sub> m n-íc v <sub>2</sub> m nh <sub>2</sub> ©n d <sub>2</sub> ©n trong viÖc thùc hiÖn x <sub>2</sub> héi hã ho <sub>2</sub> t	
<b>@éng v<sub>2</sub>n hã</b>	15
a. Vai tr <sub>2</sub> ß c <sub>2</sub> ña Nh <sub>2</sub> m n-íc trong viÖc thùc hiÖn x <sub>2</sub> héi hã ho <sub>2</sub> t @éng v <sub>2</sub> n	
hã	16
b. Vai tr <sub>2</sub> ß c <sub>2</sub> ña nh <sub>2</sub> ©n d <sub>2</sub> ©n trong viÖc thùc hiÖn x <sub>2</sub> héi hã ho <sub>2</sub> t @éng v <sub>2</sub> n	
hã	20
1.2. X <sub>2</sub> héi hã ho <sub>2</sub> t @éng b <sub>2</sub> o t <sub>2</sub> ng	23
1.2.1. TÝnh c <sub>2</sub> Êp thiÖt c <sub>2</sub> ña v <sub>2</sub> Ên @Ò x <sub>2</sub> héi ho <sub>2</sub> ho <sub>2</sub> t @éng b <sub>2</sub> o t <sub>2</sub> ng	23
1.2.2. Vai tr <sub>2</sub> ß c <sub>2</sub> ña Nh <sub>2</sub> m n-íc v <sub>2</sub> m nh <sub>2</sub> ©n d <sub>2</sub> ©n trong viÖc thùc hiÖn x <sub>2</sub> héi hã ho <sub>2</sub> t	
<b>@éng b<sub>2</sub>o t<sub>2</sub>ng</b>	27
a. Vai tr <sub>2</sub> ß c <sub>2</sub> ña Nh <sub>2</sub> m n-íc trong viÖc thùc hiÖn x <sub>2</sub> héi hã ho <sub>2</sub> t @éng b <sub>2</sub> o	
t <sub>2</sub> ng	28
b. Qu <sub>2</sub> çn chóng nh <sub>2</sub> ©n d <sub>2</sub> ©n trong viÖc thùc hiÖn x <sub>2</sub> héi hã ho <sub>2</sub> t @éng b <sub>2</sub> o	
t <sub>2</sub> ng	29
1.2.3. B <sub>2</sub> o t <sub>2</sub> ng v <sub>2</sub> i viÖc thùc hiÖn x <sub>2</sub> héi hã ho <sub>2</sub> t @éng b <sub>2</sub> o t <sub>2</sub> ng	31

**Chương 2: Công tác xã hội hóa trong hoạt động  
chuyên môn nghiệp vụ của bộ phận công tác xã hội  
năm (2004-2007)**

34

2.1. Kh <i>́</i> i qu <i>́</i> t v <i>̀</i> O l <i>́</i> pch s <i>́</i> o h <i>́</i> xnh th <i>́</i> nh v <i>́</i> m ph <i>́</i> t tri <i>́</i> On c <i>́</i> õa B <i>́</i> õo t <i>́</i> ung C <i>́</i> ,ch m <i>́</i> ng Vi <i>́</i> Öt Nam	34
2.2. C <i>́</i> ,c h <i>́</i> xnh th <i>́</i> oc x <i>́</i> · h <i>́</i> ei h <i>́</i> ãa trong ho <i>́</i> t ® <i>́</i> éng chuy <i>́</i> an m <i>́</i> «n nghi <i>́</i> Öp v <i>́</i> o c <i>́</i> õa B <i>́</i> õo t <i>́</i> ung C <i>́</i> ,ch m <i>́</i> ng Vi <i>́</i> Öt Nam	41
2.2.1. X <i>́</i> · h <i>́</i> ei ho <i>́</i> , trong c <i>́</i> «ng t <i>́</i> ,c bæ sung ki <i>́</i> Ön to <i>́</i> m kho	41
2.2.1.1. X <i>́</i> · h <i>́</i> ei h <i>́</i> ãa trong c <i>́</i> «ng t <i>́</i> ,c nghi <i>́</i> an c <i>́</i> õu - s-i u t <i>́</i> Çm	42
2.2.1.1.1. Tæ ch <i>́</i> oc c <i>́</i> ,c cu <i>́</i> ec H <i>́</i> ei th <i>́</i> õo khoa hãc v <i>́</i> m nghi <i>́</i> an c <i>́</i> õu khoa hãc li <i>́</i> an quan ® <i>́</i> Ön l <i>́</i> Ünh v <i>́</i> uc ho <i>́</i> t ® <i>́</i> éng b <i>́</i> õo t <i>́</i> ung	42
2.2.1.1.2. Tri <i>́</i> On khai cu <i>́</i> ec v <i>́</i> Ën ® <i>́</i> éng nh <i>́</i> ©n d <i>́</i> ©n hi <i>́</i> Ön t <i>́</i> Æng hi <i>́</i> Ön v <i>́</i> Ët cho B <i>́</i> õo t <i>́</i> ung C <i>́</i> ,ch m <i>́</i> ng Vi <i>́</i> Öt Nam	45
2.2.1.1.3. Tæ ch <i>́</i> oc m <i>́</i> ng l-i i c <i>́</i> éng t <i>́</i> ,c vi <i>́</i> an s-i u t <i>́</i> Çm	47
2.2.1.1.4. B <i>́</i> õo t <i>́</i> ung C <i>́</i> ,ch m <i>́</i> ng Vi <i>́</i> Öt Nam ph <i>́</i> ei h <i>́</i> ip v <i>́</i> i c <i>́</i> õ quan, tæ ch <i>́</i> oc c <i>́</i> ,c cu <i>́</i> ec v <i>́</i> Ën ® <i>́</i> éng s <i>́</i> ,ng t <i>́</i> ,c	48
2.2.1.2. X <i>́</i> · h <i>́</i> ei h <i>́</i> ãa trong c <i>́</i> «ng t <i>́</i> ,c ki <i>́</i> Öm k <i>́</i> <sup>a</sup> - b <i>́</i> õo qu <i>́</i> õn	50
2.2.1.2.1. Nghi <i>́</i> an c <i>́</i> õu th <i>́</i> Ëm ® <i>́</i> õnh bæ sung th <i>́</i> «ng tin v <i>̀</i> o n <i>́</i> ei dung l <i>́</i> pch s <i>́</i> o hi <i>́</i> Ön v <i>́</i> Ët	50
2.2.2. X <i>́</i> · h <i>́</i> ei h <i>́</i> ãa trong c <i>́</i> «ng t <i>́</i> ,c tr-i ng b <i>́</i> uy - tuy <i>́</i> an truy <i>́</i> Ön	52
2.2.2.1. X <i>́</i> · h <i>́</i> ei h <i>́</i> ãa trong c <i>́</i> «ng t <i>́</i> ,c tr-i ng b <i>́</i> uy	52
2.2.2.1.1. N <i>́</i> ©ng c <i>́</i> Ëp h <i>́</i> Ö th <i>́</i> eng tr-i ng b <i>́</i> uy th-i ng tr <i>́</i> uc	53
2.2.2.1.2. Ph <i>́</i> ei h <i>́</i> ip v <i>́</i> i c <i>́</i> ,c b <i>́</i> õo t <i>́</i> ung ® <i>́</i> õa ph-i ng ho <i>́</i> Æc c <i>́</i> ,c c <i>́</i> õ quan tæ ch <i>́</i> oc tr-i ng b <i>́</i> uy chuy <i>́</i> an ® <i>́</i> Ò t <i>́</i> i b <i>́</i> õo t <i>́</i> ung	56
2.2.2.1.3. X <i>́</i> · h <i>́</i> ei h <i>́</i> ãa trong ho <i>́</i> t ® <i>́</i> éng tr-i ng b <i>́</i> uy l-i u ® <i>́</i> éng l <i>́</i> m mét trong nh-i ng ho <i>́</i> t ® <i>́</i> éng nghi <i>́</i> Öp v <i>́</i> o th-i ng xuy <i>́</i> an mang ® <i>́</i> Ëm n <i>́</i> Ët x <i>́</i> · h <i>́</i> ei h <i>́</i> ãa c <i>́</i> õa B <i>́</i> õo t <i>́</i> ung C <i>́</i> ,ch m <i>́</i> ng Vi <i>́</i> Öt Nam trong nhi <i>́</i> Öu n <i>́</i> im qua v <i>́</i> m ® <i>́</i> · mang l <i>́</i> i nhi <i>́</i> Öu hi <i>́</i> Öu qu <i>́</i> õ t <i>́</i> et	62

2.2.2.2. X· héi hãa trong c«ng t, c tuyªn truyÒn - gi, o d·c	66
2.2.2.2.1. C©u l'c bé " Em yªu lPch s·" - mét s©n ch-i bæ Ých	66
2.2.2.2.2. Ch-·ng tr×nh giao l-u - gÆp gì nh©n chøng lPch s·	69

2.2.2.2.3. Báo tụng phèi híp xuÊt b¶n c,c Ên phÈm cã liªn quan Ôn báo tụng	73	
2.2.2.2.4. Phèi híp c,c c¶ quan truyÒn th«ng	74	
<b>ch-¶ng 3: mét sè gi¶i ph, p gãp phÇn n©ng cao hiÖu qu¶</b>		
<b>x· héi hãa ho't ®éng chuyªn m«n nghiÖp vô cª</b>		
<b>b¶o tụng c, ch m'ng ViÖt nam</b>		78
3.1. Mét sè nhÈn xÐt vÒ ho't ®éng x· héi hãa trong ho't ®éng chuyªn m«n nghiÖp vô cª Báo tụng C, ch m'ng ViÖt Nam (2004 - 2007)	78	
3.1.1. Nh÷ng kÖt qu¶ ®'t ®-íc	78	
3.1.2. Nh÷ng tân t'i cÇn kh¼c phóc trong viÖc thùc hiÖn x· héi hãa trong ho't ®éng chuyªn m«n nghiÖp vô cª Báo tụng C, ch m'ng ViÖt Nam	81	
3.2. Mét sè gi¶i ph, p nh»m ®Èy m'nh x· héi hãa trong ho't ®éng chuyªn m«n nghiÖp vô cª Báo tụng C, ch m'ng ViÖt Nam	83	
3.2.1. T'o ra nhiÒu c¶ héi cho c,c ®ài t-íng c«ng chóng tham gia ho't ®éng báo tụng	83	
3.2.2. §a d'ng hãa c,c h×nh thóc ho't ®éng ®Ó "®-a báo tụng Ôn vói c«ng chóng" vµ "®-a c«ng chóng Ôn vói báo tụng"	85	
3.2.3. KhuyÖn khÝch c,c nhµ s-u tÈp t- nh©n tham gia ho't ®éng báo tụng	87	
3.2.4. X©y dùng hÖ thèng kho mẽ	88	
3.2.5. X©y dùng vµ n©ng cao ý thóc tr, ch nhiÖm cª céng ®áng trong viÖc tham gia c,c ho't ®éng báo tụng	89	
3.2.6. N©ng cao tr×nh ®é ®éi ngò c, n bé báo tụng trong viÖc thùc hiÖn chñ tr-¶ng x· héi hãa ho't ®éng báo tụng	90	

kết luận	92
tại liệu tham khảo	94
phô lôc	96

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Trước những phát triển không ngừng của thời đại, mỗi quốc gia đều phải xây dựng cho mình một hướng đi phù hợp để đưa đất nước đứng vững và phát triển. Nhận thức được điều đó Đảng và Nhà nước ta đã xoá bỏ tập trung bao cấp, thực hiện cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa đưa đất nước tiến lên công nghiệp hoá - hiện đại hoá với mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” đưa Việt Nam sánh ngang tầm với bạn bè quốc tế.

Sau hơn 20 năm đổi mới chúng ta đã thu được nhiều kết quả rất đáng khích lệ. Đạt được những kết quả đó là do nhiều nguyên nhân, nhưng quan trọng là sự đoàn kết nhất trí từ Trung ương đến địa phương với chủ trương “Nhà nước và nhân dân cùng làm”. Thực tế đã cho thấy trên mọi lĩnh vực, nếu không có sự đồng tâm, nhất trí thì khó có thể thực hiện. Bởi vậy, có thể khẳng định, xã hội hoá có một vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển của đất nước. Xã hội hoá tạo nên sức mạnh để có thể vượt qua mọi khó khăn thử thách tiến kịp với bước đi của thời đại.

Đảng và Nhà nước ta đã xác định văn hoá chính là nền tảng tinh thần của xã hội, nó vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển xã hội. Bởi vậy, việc thực hiện xã hội hoá hoạt động văn hoá sẽ tạo ý nghĩa tích cực để đưa các yếu tố văn hoá thấm sâu vào các mặt hoạt động của đời sống, đồng thời thúc đẩy hoạt động văn hoá phát triển phù hợp với điều kiện mới.

Công tác bảo tàng là một lĩnh vực hoạt động văn hoá. Do vậy việc thực hiện chủ trương xã hội hoá đối với hình thức này cũng là một vấn đề vô cùng cần thiết bởi kết quả của nó không chỉ góp phần vào việc phát triển lĩnh vực bảo tàng mà còn đóng góp vào sự nghiệp bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá dân tộc.

Vấn đề xã hội hoá hoạt động bảo tàng còn thể hiện ở khía cạnh nhân dân được tiếp cận, hưởng thụ các giá trị bảo tàng. Nếu trong các mục tiêu kinh tế chúng ta nhằm nâng cao mức sống của nhân dân, thì trong văn hoá, chúng ta nhằm nâng cao mức hưởng thụ văn hoá, trong đó có việc nhân dân được tiếp cận, chiêm ngưỡng và hưởng thụ giá trị di sản văn hoá dân tộc. Ngày nay khi đời sống của nhân dân ngày càng được nâng cao thì nhu cầu văn hoá trong đó có việc tìm hiểu về quá khứ thông qua các giá trị hữu hình và vô hình của bảo tàng là một nhu cầu tất yếu. Để việc xã hội hoá hoạt động bảo tàng được thực sự có hiệu quả, vấn đề quản lý của Nhà nước là vô cùng quan trọng, giúp đỡ hoạt động này đi đúng chủ trương, đường lối, mục tiêu của Đảng và Nhà nước đề ra.

Với mục tiêu đó, xã hội hoá hoạt động bảo tàng có ý nghĩa như một cuộc đổi mới, nó mang tính thời sự và khoa học trong điều kiện đất nước ta đang tiến hành công nghiệp hoá và hiện đại hoá. Bởi vì mục tiêu cao nhất của hoạt động xã hội hoá bảo tàng là cổ vũ và ủng hộ quyền chủ động đóng góp và hưởng thụ của nhân dân trong việc bảo tồn các giá trị di sản văn hoá.

Bảo tàng Cách mạng Việt Nam là một cơ quan văn hoá khoa học, một trong những trung tâm văn hoá giáo dục lớn của ngành văn hoá về lịch sử thời kỳ cận hiện đại, là nơi bảo tồn những di sản lịch sử văn hoá quý báu của dân tộc. Trong những năm qua, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam luôn xứng đáng ở vị trí một trong những bảo tàng đầu ngành, đạt hiệu quả cao trong hoạt động khoa học cũng như giáo dục và có những cống hiến to lớn cho sự nghiệp văn hoá giáo dục của đất nước. Do vậy ngay từ khi chủ trương xã hội hoá các hoạt động văn hoá ra đời, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam đã sớm bắt tay vào nghiên cứu triển khai thực hiện tại bảo tàng mình, và coi đây là một nguồn động lực mới cho hoạt động bảo tàng. Với mục đích nhằm đạt tới hiệu quả xã hội, giải quyết những khó khăn của sự nghiệp bảo tàng thời kỳ đổi mới, đồng thời nâng cao mức hưởng thụ văn hoá của người

dân. Đến nay, những kết quả đầu tiên thu được từ việc thực hiện xã hội hoá hoạt động bảo tàng tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam đã khẳng định tính đúng đắn của chủ trương này. Tuy nhiên xã hội hoá hoạt động bảo tàng là một vấn đề mới mẻ đối với không chỉ riêng Bảo tàng Cách mạng Việt Nam mà còn đối với toàn bộ hệ thống bảo tàng nước ta. Sự mới mẻ này thể hiện cả ở tầm lý thuyết lẫn thực tế hoạt động, còn đòi hỏi phải có một sự tìm hiểu phân tích, đúc rút nhằm tạo cơ sở cho việc đẩy mạnh chủ trương xã hội hoá hoạt động bảo tàng theo đúng định hướng của Đảng và Nhà nước.

Với ý nghĩa đó, em chọn đề tài ***“Bước đầu tìm hiểu về công tác xã hội hoá trong hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của Bảo tàng Cách mạng Việt Nam (2004-2007)”*** làm khoá luận tốt nghiệp của mình. Với hi vọng khoá luận góp phần nhỏ bé vào hoạt động bảo tàng của Bảo tàng Cách mạng Việt Nam hiện nay và sự phát triển của bảo tàng Việt Nam nói chung.

## **2. Mục đích**

- Nhằm làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về xã hội hoá hoạt động văn hoá, xã hội hoá hoạt động bảo tàng và nội dung của việc thực hiện xã hội hoá hoạt động bảo tàng.
- Tìm hiểu đúc kết một số hoạt động xã hội hoá trong hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của Bảo tàng Cách mạng Việt Nam từ năm 2004 đến năm 2007.
- Trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn hoạt động, rút ra những nhận xét, đánh giá về quá trình thực hiện xã hội hoá hoạt động chuyên môn nghiệp vụ tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam đồng thời tìm ra những giải pháp nhằm thúc đẩy hơn nữa hiệu quả xã hội hoá hoạt động bảo tàng tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- Nghiên cứu những vấn đề thực hiện xã hội hoá hoạt động chuyên môn nghiệp vụ tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, cụ thể là nghiên cứu những hình thức xã hội hoá trong hoạt động bổ sung kiện toàn kho và trưng bày tuyên truyền.
- Phạm vi nghiên cứu của đề tài tập trung trong các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của Bảo tàng Cách mạng Việt Nam giai đoạn từ năm 2004 đến năm 2007

#### **4. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và phương pháp của bảo tàng học để nghiên cứu và phân tích đề tài.
- Phương pháp khảo sát thực tế, phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp thống kê phân loại...

#### **5. Bộ cục khoá luận**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và phụ lục, khoá luận có cấu trúc 3 chương:

Chương 1: Các quan điểm cơ bản về xã hội hoá hoạt động văn hoá và xã hội hoá hoạt động bảo tàng

Chương 2: Công tác xã hội hoá trong hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của Bảo tàng Cách mạng Việt Nam (2004-2007)

Chương 3: Một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả xã hội hoá trong hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

Trong quá trình làm khoá luận, ngoài sự cố gắng của bản thân, em đã nhận được sự giúp đỡ của Ban Giám đốc, và các viên chức của Bảo tàng Cách mạng Việt Nam. Qua đây em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến tất cả những người đã hướng dẫn và tạo điều kiện tốt nhất cho em hoàn thành khoá luận này.

Mặc dù có nhiều cố gắng nhưng do vốn hiểu biết còn hạn chế nên bài khoá luận không tránh khỏi thiếu sót. Em mong nhận được sự góp ý của thầy cô giáo và các bạn để khoá luận hoàn thiện hơn.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

---

1. Trương Quốc Bình, Những kiến giải nhằm đa dạng hoá những bảo tàng ở Việt Nam trong tình hình hiện nay, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, 1998.
2. Bảo tàng với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, NXB Hà Nội, 1998.
3. Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, Thông báo khoa học số 01/2004, số 06/2004, số 02/2005, số 07/2005, số 07/2006, số 02/2007, số 08/2007, số 02/2008.
4. Cơ sở Bảo tàng học, Trường Đại học Văn hoá Hà Nội, 1990.
5. Lê Trí Dũng, Xã hội hoá hoạt động văn hoá trên địa bàn Hà Nội, 1996.
6. Những quy định chung về chính sách xã hội hoá các hoạt động văn hoá, giáo dục, y tế, thể thao, NXB Lao động, 2001.
7. Lê Như Hoa, Xã hội hoá hoạt động văn hoá, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội 1996.
8. Nguyễn Thị Huệ, Nghiên cứu nguồn sử liệu hiện vật bảo tàng, NXB Chính trị quốc gia, 2001.
9. Nguyễn Thị Huệ, Lược sử sự nghiệp bảo tồn bảo tàng Việt Nam từ năm 1945 đến nay, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, 2005.

10. Nghị quyết số 90 của Chính phủ “Phương hướng và chủ trương xã hội hoá các hoạt động giáo dục, văn hoá, y tế”
11. Luật di sản văn hoá, NXB Chính trị quốc gia, 2001.

12. Văn kiện của Đảng về tư tưởng văn hoá tập II (1996-2000), NXB Chính trị quốc gia, 2000.
13. Quy chế tổ chức và các hoạt động bảo tàng, Bộ Văn hoá Thông tin, 1998.
14. Sự nghiệp bảo tàng và những vấn đề cấp thiết, NXB Lao động, 1997.
15. Tạp chí Di sản văn hoá số 02/2003, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam – Tp Hồ Chí Minh với việc thực hiện chủ trương xã hội hoá bảo tàng. Trịnh Thị Hoà.
16. Tạp chí Văn hoá nghệ thuật số 01/1999. Nhận thức và giải pháp về xã hội hoá trưng bày bảo tàng. Đặng Hoà.